

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184 /2021/DS-PT

Ngày 19 - 5 - 2021

V/v tranh chấp “Quyền về lỗi đi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Mai Hoàng Khải.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2020/TLPT-DS ngày 10/11/2020 về việc tranh chấp “Quyền về lỗi đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 553/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phương Huệ H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 111, N, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phương Huệ Huệ:* Ông Huỳnh Văn L2, sinh năm 1955 (có mặt), (Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2020).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh Cao Văn L, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Cúc L1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phương Huệ H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Phương Huệ H trình bày:

Bà H có thửa đất số 465, tờ bản đồ 23, diện tích 1.584m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 872598, số vào sổ H 07694 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/01/2009, đăng ký thay đổi ngày 14/01/2009 và ngày 22/7/2010. Liên kề với đất của bà H là đất của anh Cao Văn L, nguồn gốc phần đất của bà H là do ông Cao Văn T (cha anh L) chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Minh T1, sau đó bà T1 chuyển nhượng lại cho bà vào ngày 22/7/2010, khi chuyển nhượng bà và bà T1 có thỏa thuận miệng phần đất có lối đi vào chiều ngang 3,5m, dài 60m là đường đi chung, có từ năm 1961 và đây là lối đi duy nhất vào đất của bà. Nay anh L đã tự ý rào lại nên bà H yêu cầu anh L tháo dỡ, di dời cổng rào trên phần đất có chiều ngang 3,5m, chiều dài 60m, thuộc thửa số 465, tọa lạc ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L2 yêu cầu anh L, chị L1 phải tháo dỡ, di dời cổng rào và quán nước để trả lại phần đất là lối đi chung có chiều ngang 3 mét, dài 60 mét, ông không đồng ý đền bù giá trị đất hay hỗ trợ, bồi thường bất cứ khoản chi phí tháo dỡ, di dời nào.

\* Bị đơn anh Cao Văn L trình bày:

Phần đất của bà H là do cha anh (ông Cao Văn T) chuyển nhượng cho ông Cao Ngọc C, sau đó ông C mới chuyển nhượng cho bà T1 và khi chuyển nhượng giữa bà T1 và bà H không tìm hiểu trước phần đất này có đường đi vào hay không và cũng không có sự đồng ý của anh. Phần đất của anh có diện tích 2.436,6m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Tiền Giang, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/11/2019, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CT 762196, số vào sổ GCN CS03940. Hiện tại anh đang mở công ty kinh doanh, nếu mở lối đi cho bà H thì có nhiều bất tiện và việc bà H mua đất của bà T1, anh không liên quan nên không đồng ý mở lối đi theo yêu cầu của bà H. Đường đi này không phải là lối đi chung mà trước đây là đất của cha anh (Cao Văn T), do không có nhu cầu sử dụng nên cho con cháu đi.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Cúc L1 trình bày:

Chị thống nhất theo ý kiến của anh L, quán nước cất trên phần đất của chồng chị là anh L, mục đích là để mua bán kiếm thêm thu nhập nên chị không đồng ý tháo dỡ, di dời theo yêu cầu của nguyên đơn.

\* Bản án sơ thẩm số 134/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 254 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phương Huệ H về việc yêu cầu anh Cao Văn L và chị Nguyễn Thị Cúc L1 tháo dỡ, di dời cổng rào, quán nước để mở cho bà lối đi có chiều ngang 3 mét, dài 60 mét, tổng diện tích 141,4m<sup>2</sup> trên phần đất thuộc thửa số 463, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.436,6m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và môi trường cấp cho anh Cao Văn L vào ngày 12/11/2019.

2. Án phí: Bà Phương Huệ H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005435 ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang, nên xem như thi hành xong án phí.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 07/10/2020, bà Phương Huệ H có đơn kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phương Huệ H, buộc anh Cao Văn L tháo dỡ cổng rào, quán nước để mở lối đi có chiều ngang 3m, chiều dài 60m trên phần đất thuộc thửa đất số 463, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.436,6m<sup>2</sup> do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Cao Văn L vào ngày 12/11/2019.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Huỳnh Văn L2 – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phương Huệ H thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh Cao Văn L mở lại lối đi có chiều ngang 3m, dài 60m từ Huyện lộ 67 đến đất của bà H; buộc anh L tháo dỡ cổng rào, mái che; bà H tự nguyện hỗ trợ cho anh L các khoản gồm: chi phí bơm cát nâng nền lối đi, chi phí đổ đál, đá mi và bồi thường 02 cây mít trên đất lối đi, tổng cộng là 30.000.000 đồng.

- Anh Cao Văn L và chị Nguyễn Thị Cúc L1 không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Phương Huệ H, không đồng ý mở lối đi cho bà H.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đất của bà Phương Huệ H mặc dù không bị vây bọc bởi đất của anh Cao Văn L, nhưng để đi ra lộ công cộng thì bà H chỉ có lối đi duy nhất là đi lối đi hiện hộ anh Cao Văn L đang đi có chiều ngang 3m, dài từ đất của anh Lập đến đường Huyện lộ 67. Người làm chứng ông Cao Ngọc C, bà Nguyễn Thị T2, anh Trần Khánh D, ông Đặng Văn Đ là các hộ giáp ranh và lân cận với đất của bà Phương Huệ H đều xác định: Ngoài lối đi đang tranh chấp, bà H không có lối đi nào khác thuận tiện để ra đường công cộng là đường Huyện lộ 67; lối đi này hiện nay có nhiều hộ cùng đi gồm hộ bà Nguyễn Thị T2, hộ anh Cao Văn L, hộ ông Cao Văn T3 (đã chết). Do đó yêu cầu xin mở lối đi của bà H là có cơ sở 01 phần, đề nghị chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh Cao

Văn L mở lối đi có 02 đoạn: đoạn thứ nhất có chiều ngang 3m, dài 4,89m tính từ đất bà H đến phần đất thửa 463 của anh L và đoạn thứ hai xác định là lối đi chung của hộ anh Cao Văn L và hộ bà H có chiều ngang 3m, dài 44,16m từ mé tường rào phía Nam của nhà anh Trần Khánh D đến giáp huyện lộ 67.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất trên đất lối đi tranh chấp có 02 cây mít do anh L trồng đã hơn 02 năm, không yêu cầu định giá đối với 02 cây mít; anh L xác định ngoài ra anh có bỏ chi phí bơm cát tôn tạo nâng nền lối đi như hiện nay khoảng gần 10.000.000 đồng. Ông Huỳnh Văn L2 – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phương Huệ H xác định: Bà H tự nguyện đồng ý hỗ trợ trả cho anh L chi phí bơm cát tôn tạo lối đi, chi phí đổ đال, đá mi trên lối đi và bồi thường giá trị 02 cây mít tổng cộng 30.000.000 đồng nếu anh L đồng ý mở lối đi cho bà H. Căn cứ vào kết quả định giá, xét sự tự nguyện của bà H đồng ý hỗ trợ, bồi thường cho anh L số tiền 30.000.000 đồng các chi phí là phù hợp pháp luật, cần ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tôn trọng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Phương Huệ H; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Phương Huệ H có quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 465, tờ bản đồ 23, diện tích 1.584,8m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 872598, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H07694 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/01/2009, đăng ký thay đổi ngày 22/7/2010. Theo ông L2 – đại diện theo ủy quyền của bà H xác định: Nguồn gốc phần đất này là của ông Cao Văn T - là cha ruột của anh Cao Văn L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Minh T1, sau đó bà T1 chuyển nhượng lại cho bà H. Liên kê hướng Tây phần đất của bà H là thửa số 463, diện tích 2.436,6m<sup>2</sup> do ông Cao Văn T đứng tên, sau đó ông T tặng cho anh L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 762196, số vào sổ GCN: CS03940 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho anh Cao Văn L ngày 12/11/2019. Ông L2 - đại diện theo ủy quyền của bà H xác định để đi ra lộ công cộng thì bà H chỉ có lối đi duy nhất là đi lối đi hiện hữu từ trước đến nay có chiều ngang 3m, dài từ đất của anh L (trước đây là ông T) đến đường Huyện lộ 67. Hiện tại trên lối đi tranh chấp, gia đình anh L sử dụng để kinh doanh quán nước và là lối đi chung vào nhà của hộ anh Cao Văn L, hộ bà Nguyễn Thị T2, hộ các con ông Cao Văn T3. Mặc dù hiện tại hộ bà Nguyễn Thị T2, hộ ông Cao Văn T3 vẫn đi trên lối đi này nhưng không có ai tranh chấp vì anh L vẫn để họ đi bình thường nên không cần thiết đưa họ

tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh L cho rằng trước đây cha anh – ông Cao Văn T bán phần đất của bà Phương Huệ H cho ông Cao Ngọc C, giáp ranh liền kề với đất của ông C; bà T1 là cháu của ông C, sau khi mua đất ông C đã làm hàng rào, kéo lưới B40 và chuyển nhượng lại cho những ai thì anh không biết. Anh L xác định hiện nay anh thành lập công ty, mở quán bán nước trên phần đất sử dụng làm lối đi đang tranh chấp với bà H; nên anh đã làm công rào giáp đường Huyện lộ 67 để bảo vệ tài sản của mình; nếu mở lối đi cho bà H thì sẽ không thuận tiện cho việc sử dụng đất, bảo vệ tài sản của anh. Anh L cho rằng bà H nhận chuyển nhượng đất từ ông C thì yêu cầu ông C mở lối đi cho bà H là hợp lý, hoặc bà H có thể yêu cầu bà H1 (hiện nay là anh Trần Khánh D đứng tên quyền sử dụng đất) mở lối đi.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Huỳnh Văn L2 có đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ về hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Minh Trang và cấp cho bà Phương Huệ H. Theo hồ sơ cấp quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Minh T1 và bà Phương Huệ H thể hiện: Ngày 03/9/2008 hộ ông Cao Văn T chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Minh T1 thửa số 464; ngày 18/11/2008 bà T1 đã nhập 02 thửa số 464 và 456 thành 01 thửa là thửa số 465; ngày 22/6/2010 bà T đã chuyển nhượng lại cho bà Phương Huệ H thửa 465. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L cho rằng ai chuyển nhượng đất cho bà H thì người đó có nghĩa vụ cho bà H lối đi. Nhưng bà H nhận chuyển nhượng đất từ bà T1 trong đó có một phần đất ông T cha anh L chuyển nhượng cho bà T1 trước đó. Do đó, trình bày của anh L cho rằng bà H nhận chuyển nhượng của ông C là không có cơ sở. Anh L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà H nhận chuyển nhượng thửa số 465 từ ông Cao Ngọc C.

Hơn nữa, tại các Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 26/02/2021 thể hiện: Ông Cao Ngọc C xác định thửa đất số 465 của bà Phương Huệ H không liên quan gì đến ông, ông không có nhận chuyển nhượng của ông T; bà T1 là cháu của ông; khi còn sống ông T đồng ý cho bà H đi trên lối đi đang tranh chấp để ra Huyện lộ 67, lối đi tranh chấp là lối đi duy nhất để bà Huệ ra đường đi công cộng Huyện lộ 67, lối đi này đã có từ rất lâu. Anh Trần Khánh D, bà Nguyễn Thị T2, ông Đặng Văn Đ cũng xác định lối đi tranh chấp là lối đi duy nhất để bà H ra đường đi công cộng Huyện lộ 67, lối đi này có từ lâu. Anh D xác định: hiện nay anh đã cất nhà hết toàn bộ thửa đất của anh, không có đất trống để mở lối đi cho bà Huệ. Ông Chương, bà T2, ông Đ và anh D xác định trước đây ông Cao Văn T – cha của anh L khi còn sống đã để đất sử dụng lối đi đang tranh chấp làm lối đi chung cho nhiều hộ gia đình, trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T2, hộ ông Cao Văn T3 (đã chết) hiện nay là các con của ông T3;.... Đây là lối đi duy nhất để bà H cùng các hộ kể trên đi ra đường công cộng Huyện lộ 67 thuận tiện và gần nhất.

Ông Huỳnh Văn L2 – đại diện theo ủy quyền của bà Phương Huệ H xác định: Khi nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Minh T1, giữa bà T1 và bà H có thỏa thuận miệng với nhau là bà H được đi trên lối đi ngang khoảng 3 m, dài hơn 60 m, là lối đi chung với hộ ông Cao Văn T – cha của anh Cao Văn L có từ

năm 1961 đến nay. Ông T khi còn sống có cam kết sẽ chừa cho một lối đi chung nhưng chỉ nói miệng. Anh L không thừa nhận có việc cam kết của ông Cao Văn T như ông L3 trình bày, anh L cho rằng việc thỏa thuận về lối đi giữa bà T1 và bà H như thế nào thì anh không biết và cũng không đồng ý việc thỏa thuận này. Nhưng thực tế lối đi mà anh L ngăn không cho bà H đi là lối đi chung đã có từ lâu, chỉ sau khi ông T chết thì anh L mới ngăn cản không cho bà H đi lối đi này.

Anh Lập thừa nhận: hiện tại hộ bà Nguyễn Thị T2 (phần đất bà T2 đang sử dụng do ông Nguyễn Văn H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) giáp với phần đất phía sau của anh L và các con của ông Cao Văn T3 (là bà con thân thuộc với anh L) đang sử dụng lối đi tranh chấp làm lối đi chung với hộ anh L để ra đường công cộng; giữa anh và hộ bà Thu, các con của ông T3 không có tranh chấp về lối đi. Xét thấy: Theo Bản đồ địa chính khu đất ngày 19/8/2020 (Bút lục 52) thể hiện phần đất của bà H giáp ranh liền kề với 01 phần của thửa đất số 463 của anh L mà hiện nay anh L sử dụng để làm lối đi ra đường công cộng. Bà H có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác (thửa số 509 của bà Lê Thị Diễm T4 mà hiện nay là thửa số 700 của anh Trần Khánh D, thửa số 463 của anh Cao Lập...) mà không có lối đi ra đường công cộng, cho nên bà H có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ; lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự về "Quyền về lối đi". Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mở lối đi là có căn cứ. Tuy nhiên, bà H yêu cầu lối đi dài 60m là chưa phù hợp, ảnh hưởng nhiều đến việc sử dụng đất của anh L. Vì tính từ đường công cộng Huyện lộ 67 đến phần đất của bà H chỉ có 47,16m, do đó cần xác định lối đi chung giữa hộ bà H với hộ anh L chiều dài 47,16m (gồm 02 đoạn: Đoạn thứ nhất từ Huyện lộ 67 đến cuối tường rào nhà, đất thửa số 700 của anh Trần Khánh D có chiều dài 44,16m, có chiều ngang 3m; Đoạn thứ hai từ mé tường rào cuối thửa đất số 700 của anh Trần Khánh D đến đất của bà H có chiều dài 3m, có chiều ngang từ đất của bà H đến đường đal thuộc thửa đất 463 của anh Lập là 4,89m).

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L xác định ngoài chi phí đổ đal xi măng, đổ đá mi trên lối đi tranh chấp thì anh có bỏ chi phí bơm cát nâng nền lối đi như hiện nay là khoảng gần 10.000.000 đồng và trên đất bà H yêu cầu mở lối đi anh có trồng 02 cây mít hơn 02 năm, đã cho trái đầu; anh L không yêu cầu định giá đối với 02 cây mít và chi phí bơm cát, không yêu cầu bà Huệ hỗ trợ, bồi thường do anh không đồng ý mở lối đi cho bà H. Ông Huỳnh Văn L2 thừa nhận lối đi tranh chấp hiện nay có 01 đoạn đã được đổ đal nền xi măng ngang 3m, dài 28m và có đoạn giáp đường Huyện 67 đổ đá mi do anh L tôn tạo, trên đất bà H yêu cầu mở lối đi có 02 cây mít; ông L2 xác định bà H tự nguyện đồng ý hỗ trợ anh L các khoản tiền bơm cát, đổ đal xi măng, đổ đá mi và bồi thường 02 cây mít cho anh L tổng cộng là 30.000.000 đồng, yêu cầu anh Lập mở lối đi cho bà H và xác định lối đi chung giữa bà H và hộ anh L; ông L2 không yêu cầu định giá chi phí bơm

cát và định giá 02 cây mít.

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 12/8/2020 và Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc Ban hành quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại cây trái, hoa màu và vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất; các khoản anh L đã bỏ chi phí tôn tạo, xây dựng đối với lối đi tranh chấp gồm:

- Chi phí đổ đال xi măng: 10.819.000 đồng.
- Chi phí bơm cát: 10.000.000 đồng.
- 02 cây mít loại B1: 1.856.000 đồng/1 cây x 02 cây = 3.712.000 đồng

Tổng cộng: 24.531.000 đồng.

Bà H đồng ý tự nguyện hỗ trợ, bồi thường cho anh L các khoản đầu tư trên lối đi tranh chấp với số tiền là 30.000.000 đồng là hợp lý, cần được ghi nhận.

Ông Huỳnh Văn L2 – đại diện theo ủy quyền của bà Phương Huệ H yêu cầu anh L tháo dỡ công rào để đảm bảo hộ bà H được sử dụng lối đi chung, không được ngăn cản bà H sử dụng lối đi chung; xét yêu cầu này là chính đáng, nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phương Huệ H, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Huệ, buộc anh Cao Văn L mở lối đi chung của hộ anh L và hộ bà H, ghi nhận sự tự nguyện của bà H hỗ trợ và bồi thường cho anh L các khoản tổng cộng 30.000.000 đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Phương Huệ H được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Cao Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 248, 254 Bộ luật dân sự; Điều 147; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, 27, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phương Huệ H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm 134/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Phương Huệ H.

Buộc anh Cao Văn L, chị Nguyễn Thị Cúc L1 có trách nhiệm mở cho bà Phương Huệ H lối đi chung với hộ anh Cao Văn L có chiều ngang 3m, dài 47,16m, tọa lạc tại ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Tiền Giang; gồm 02 đoạn như sau:

- Đoạn thứ nhất: có chiều ngang 3m, chiều dài 44,16m, từ Huyện lộ 67 đến cuối tường rào thửa số 509 của bà Lê Thị Diễm T4 (hiện nay là thửa số 700 của anh Trần Khánh D).

- Đoạn thứ hai: có chiều dài 3m từ mí tường rào của thửa số 700 của anh Trần Khánh D đến thửa đất số 465 của bà Phương Huệ H; chiều ngang 4,89m từ thửa 465 của bà Phương Huệ H đến đường đal thuộc thửa số 463 của anh Cao Văn L.

Lối đi chung có vị trí tứ cận như sau:

+ Đông giáp thửa đất số 509 của bà Lê Thị Diễm T4 (hiện nay là thửa số 700 của anh Trần Khánh D).

+ Tây giáp đất ông Võ Văn T5.

+ Nam giáp đất ông Cao Văn T3, anh Cao Văn L.

+ Bắc giáp đường Huyện 67.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Buộc anh Cao Văn L, chị Nguyễn Thị Cúc L1 tháo dỡ 02 cánh cổng rào bằng khung sắt kích thước, song sắt 2,5m x 3m = 7,5m<sup>2</sup>; mái che bằng tole trên lối đi chung tranh chấp kích thước 10m x 3m = 30m<sup>2</sup>.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phương Huệ H trả cho anh Cao Văn L, chị Nguyễn Thị Cúc L1 chi phí bơm cát, đổ nền xi măng, đá mi và bồi thường giá trị 02 cây mít, tổng cộng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

4. Quá trình sử dụng lối đi chung, hộ anh Cao Văn L không được thực hiện hành vi ngăn cản, rào chắn hoặc làm cho việc thực hiện quyền đối với lối đi chung của bà Phương Huệ H trở nên khó khăn. Bà Phương Huệ H không được sử dụng lối đi chung sai mục đích.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí:

5.1. Bà Phương Huệ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại bà H số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu



số 0005435 ngày 01/6/2020 và biên lai thu số 0005904 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Tiền Giang.

5.2. Anh Cao Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút, ngày 19/5/2021 có mặt: ông Huỳnh Văn L2, anh Cao Văn L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
  - TAND huyện L;
  - THADS huyện L;
  - Các đương sự;
  - Đăng công thông tin điện tử;
  - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**

